

Bản án số: 92/2019/HS-PT
Ngày 06/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán:

Ông Trương Văn Lộc;

Ông Bùi Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát V1.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 78/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Hữu T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B.

Họ và tên bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh ngày 22/10/2000 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: Ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1969 và bà Đỗ Thị V, sinh năm 1968; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/12/2016, bị Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” bằng hình thức C cáo; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/11/2018 đến ngày 17/11/2018 chuyển sang tạm giam, đến ngày 10/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh đến nay; có mặt.

Ngoài ra, còn có 02 bị hại, 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu T đến đăng ký tạm trú tại nhà của chị ruột và anh rể là bà Nguyễn Thị L và ông Đậu Đình C tại ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương từ tháng 02 năm 2018 để làm thuê. Khoảng 08 giờ ngày 08/11/2018, sau khi đi làm về T nhìn thấy nhà ông Hàn Xuân V1 cạnh nhà bà L, ông C không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm tài sản để có tiền tiêu xài. T trèo qua tường rào phía sau nhà bếp của nhà ông V1, nhìn thấy cửa sau khép hờ, không khóa nên T mở cửa đi vào phòng ngủ thứ hai (tính từ nhà bếp) nhìn thấy có 01 điện thoại di động đang sạc pin nên T lấy bỏ vào túi quần phía trước bên phải. Sau đó, T đi qua phòng ngủ thứ nhất (tính từ nhà bếp) và nhìn thấy bàn trang điểm đặt cạnh sát giường ngủ của vợ chồng ông V1, bà X có 01 ngăn tủ bên dưới, T dùng tay kéo ngăn tủ thì nhìn thấy một túi ni lon màu đen bên trong có một hộp tròn màu cam đựng 01 sợi dây chuyền bằng vàng (đã bị đứt và được cột lại bằng chỉ) và 01 mặt dây chuyền bằng vàng nên T lấy dây chuyền và mặt dây chuyền cất vào túi quần phía trước bên trái. Sau đó, T nhìn thấy trên mặt bàn trang điểm có 01 hộp vuông màu đỏ bên trong có 01 chiếc đồng hồ đeo tay, T lấy đồng hồ bỏ vào túi quần phía trước bên trái. Sau khi lấy được các tài sản trên, T trở ra theo lối đã đột nhập vào nhà ông V1, bà X. T cất giấu chiếc điện thoại di động vào cốp xe mô tô Wave RSX màu xanh bạc, biển số 60B1-847.X đang đỗ trong khuôn V1 nhà bà L, ông C. Còn dây chuyền vàng, mặt dây chuyền, đồng hồ T đem cất giấu phía trên bồn nước trong nhà vệ sinh của nhà bà L, ông C. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, ông V1 về nhà phát hiện bị mất điện thoại di động nên gọi vào số của điện thoại bị mất thì nghe đổ chuông, ông V1 lần theo tiếng chuông điện thoại reo thì phát hiện chuông điện thoại reo bên trong cốp xe mô tô biển số 60B1-847.X đang dựng trong khuôn V1 nhà bà L, ông C nên ông V1 gọi ông C ra hỏi chuyện. Trong lúc ông C và ông V1 đang nói về việc xe mô tô trên là của T thì T đi ra và cho rằng điện thoại nhặt được phía trước cổng nhà ông V1 nên giữa ông V1, bà L và T xảy ra cãi vã. Ông V1 đến Công an xã B trình báo sự việc. Quá trình điều tra, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 213/KLĐG-DGTS ngày 14/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B xác định: 01 sợi dây chuyền bị đứt, bằng vàng 610K, trọng lượng 01 chỉ 01 phân 06 ly trị giá 2.530.000 đồng; 01 mặt dây chuyền bằng vàng trọng lượng 02 phân 07 ly có đính hột cẩm thạch mặt Phật trọng lượng 04 phân 24 trị giá 560.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi, loại Redmi Note 5-64G, màu vàng, Made in China, Model: M1803E7SG Xiaomi Communications Co.,Ltd, Designed by Xiaomi trị giá 2.500.000 đồng; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu AESOP, màu vàng, mặt trước đồng hồ có chữ AESOP AUTOMATIC trị giá 1.300.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T đã chiếm đoạt là 6.890.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2018 đến ngày 11/01/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/02/2019, bị cáo Nguyễn Hữu T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, bị cáo có nhân thân xấu. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin cho mức án nhẹ để về với cha mẹ, phụ giúp cha mẹ, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 08/11/2018, tại nhà của bị hại Hàn Xuân V1 và bị hại Nguyễn Thị X thuộc địa chỉ ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Hữu T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 sợi dây chuyền, 01 mặt dây chuyền bằng vàng, 01 điện thoại di động, 01 đồng hồ đeo tay của các bị hại V1, X. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt là 6.890.000 đồng.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà bị cáo đã thực hiện. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị

cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là không nặng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là phù hợp.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 07 (bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2018 đến ngày 11/01/2019.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Hữu T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương; 1
- Phòng PV 06 - CA tỉnh Bình Dương; 1

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện B;	2
- VKSND huyện B;	1
- Chi cục THADS huyện B;	1
- CQCSĐT - CA huyện B;	1
- Trại Tạm giam – CA tỉnh BD;	1
- Bị cáo;	1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	1
- Tổ Hành chính Tư pháp;	2
- Lưu hồ sơ vụ án.	1

(Đã ký)

Hoàng Huy Toàn